

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
Thành phố Hồ Chí Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 389/2017/DS-ST.
Ngày: 22/8/2017
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm
2. Ông Phạm Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017 tại tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 351/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2017 về “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2017/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị B

Địa chỉ: đường X, phường 21, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Trương Hoài N1 (có mặt)

Địa chỉ: đường Đ, phường 2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

(Giấy ủy quyền ngày 20/7/2017)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N (có mặt)

Địa chỉ: xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2016 và bản tự khai ngày 21/7/2017, trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị N có vay tiền của bà Bùi Thị B nhiều lần, đến ngày 10/4/2012 hòa giải tại UBND phường 21, quận B thì bà B và bà N chốt lại số tiền bà N phải trả cho bà B là 77.000.000 đồng. Mỗi tháng bà N trả cho bà B 500.000 đồng cho đến khi hết nợ, bà N đã trả cho bà B từ ngày 03/5/2012 đến tháng 04/2016 được 24.000.000 đồng, sau đó bà N ngưng trả. Giấy tờ bà N trả tiền cho bà B bà B không giữ.

Với tư cách là đại diện theo ủy quyền của bà B, bà N1 yêu cầu bà N có trách nhiệm trả cho bà B số tiền 53.000.000 đồng, nhưng do bà N cho rằng đã thanh toán cho bà B tổng cộng 36.000.000 đồng nên nay bà đồng ý với ý kiến của bà N. Do đó, bà yêu cầu bà N có trách nhiệm trả cho bà B 41.000.000 đồng còn lại.

Tại bản tự khai ngày 21/7/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Số tiền 77.000.000 đồng mà bà với bà B đã hòa giải tại UBND phường 21 quận B thật sự là bà chỉ mượn 26.000.000 đồng tiền gốc nhưng bà B cộng tiền lãi vào nên lên đến số tiền 77.000.000 đồng. Tại UBND phường 21 thì bà có ký đồng ý trả cho bà B 77.000.000 đồng nhưng do lúc đó bà không biết nên mới ký vào. Tại phường thì bà cũng đồng ý trả cho bà B mỗi tháng 500.000 đồng. Bà đã trả cho bà B từ khi hòa giải ở phường đến ngày 11/7/2016 là 36.000.000 đồng. Sau đó bà ngưng trả. Hiện giấy tờ trả tiền cho bà B bà không giữ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H cho rằng yêu cầu của nguyên đơn là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành nên Tòa án nhân dân huyện H quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Bùi Thị B và bà Nguyễn Thị N là “Tranh chấp quyền đòi lại tài sản”. Bị đơn trong vụ án hiện cư trú tại huyện H, căn cứ vào khoản 14 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị B số tiền 41.000.000 đồng. Hội đồng xét

xử xét thấy: Vào ngày 10/4/2012 tại Ủy ban nhân dân phường 21, quận B giữa bà Bùi Thị B và bà Nguyễn Thị N đã thống nhất là ba N còn nợ bà B tổng cộng 77.000.000 đồng, hàng tháng bà N có trách nhiệm trả cho bà B 500.000 đồng, hai bên đều thừa nhận là đã trả được 36.000.000 đồng, sau đó thì bà N ngưng trả. Do đó, căn cứ vào biên bản hòa giải tại phường 21, quận B, căn cứ Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005 thì bà B yêu cầu bà N có trách nhiệm trả lại tài sản là số tiền 41.000.000 đồng là có căn cứ.

Xét ý kiến của bà Nguyễn Thị N cho rằng thật sự bà chỉ mượn của bà B 26.000.000 đồng, bà B tính lãi cộng vốn lên đến 77.000.000 đồng, bà đã trả cho bà B tổng cộng 36.000.000 đồng, do số tiền bà trả hơn số tiền vốn bà đã mượn nên nay bà không đồng ý trả cho bà B thêm khoản tiền nào nữa. Hội đồng xét xử xét thấy, bà N thừa nhận bà có vay tiền của bà B nhiều lần, nhưng chỉ vay 26.000.000 đồng chứ không phải 77.000.000 đồng nên bà không đồng ý trả cho bà B là không có cơ sở, vì ngày 10/4/2012 tại UBND phường 21, quận B thì bà thống nhất còn nợ bà B 77.000.000 đồng và đồng ý trả nợ cho bà B mỗi tháng 500.000 đồng, tại thời điểm ký biên bản thống nhất số nợ thì bà có đầy đủ khả năng nhận thức và làm chủ được hành vi của mình và thực tế, sau ngày hòa giải tại phường, bà N cũng đã trả cho bà B được 36.000.000 đồng, Như vậy, còn lại 41.000.000 đồng bà N còn giữ của bà B. Do đó, bà N được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nên phải trả lại tài sản cho bà B. Nay, bà N không đồng ý trả tiền cho bà B là không có cơ sở chấp nhận.

Xét ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa cho rằng yêu cầu của nguyên đơn là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Ý kiến này của Viện kiểm sát trùng khớp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị B số tiền 41.000.000 (bốn mươi một triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N chịu 2.050.000đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho bà Bùi Thị B số tiền 1.325.000 đồng, theo biên lai thu số 0009042 ngày 27/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Phụng